TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2020/DS-ST
Ngày: 10/7/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Dương Điềm;

2. Ông Nguyễn Nữu Ước.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS, ngày 19/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt.*

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết cùng buôn nên bà Nguyễn Thị N cho bà Lê Thị Ng vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 20/11/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hẹn thời hạn trả nợ vào ngày 20/11/2018.

- Ngày 16/11/2018 vay số tiền 36.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hạn trả 02 tháng kể từ ngày vay (đến ngày 16/01/2019).

- Ngày 24/3/2019 tiếp tục vay số tiền 49.700.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hạn trả 02 tháng kể từ ngày vay (đến ngày 24/5/2019).

Tất cả các lần vay hai bên có lập giấy vay tiền viết tay do bà Ng ký xác nhận. Khi vay không thực hiện việc cầm cố, thế chấp tài sản gì và chỉ có bà N và bị đơn tự xác lập với nhau không liên quan đến chồng, con của cả hai bên hay bất kỳ người nào khác. Tuy nhiên tất cả các khoản tiền đã vay đã quá thời hạn trả nợ nhưng cho đến nay bà Ng vẫn chưa trả cho bà N khoản tiền nào, mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu bà Ng trả nợ.

Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Ng trả tổng số tiền gốc đã vay là 95.700.000 đồng *(Chín mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng)*, không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra không có yêu cầu gì và ngoài tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác để cung cấp thêm. Tại địa phương nguyên đơn xác định không thuộc đối tượng chính sách gì của năm 2020.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Ng trình bày:**

Bà Ng là chỗ quen biết hàng xóm với bà Nguyễn Thị N. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, bà Ng xác định như sau:

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 20/11/2017 bà Ng thừa nhận là đúng. Đối với khoản vay 36.000.000 đồng ngày 16/11/2018 có nguồn gốc là bà Ng vay của bà N số tiền 15.000.000 đồng, số tiền vay này hẹn 02 tháng sẽ trả nhưng sau đó bà N tính và cộng thêm tiền chốt tiêu non mới thành 36.000.000 đồng và hai bên thống nhất viết lại giấy mượn tiền, hẹn sau 02 tháng trả, nhưng đến nay bà Ng vẫn chưa trả được cho bà N. Vì vậy nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay 10.000.000 đồng và 36.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất thì bị đơn đồng ý trả nhưng do hiện nay điều kiện và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị được trả dần.

- Đối với khoản tiền vay 49.700.000 đồng ngày 24/3/2019 là do từ đầu bà Ng chốt tiêu non để lấy tiền từ bà N, đến mùa tiêu thu hoạch thì trả tiêu cho bà N, nhưng bị đơn mới nhận số tiền 33.000.000 đồng chứ không phải 49.700.000 đồng như trong giấy mượn tiền mà bị đơn đã ký nhận, nay nguyên đơn lấy chứng cứ đó để khởi kiện thì bị đơn không đồng ý mà chỉ đồng ý trả số tiền đã nhận 33.000.000 đồng.

Tất cả các lần vay và lập giấy vay tiền mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện bị đơn đều ký xác nhận là người vay tiền. Khi vay không cầm cố, thế chấp tài sản làm tin và chỉ có nguyên đơn và bị đơn tự xác lập việc vay tiền với nhau, không liên quan đến người nào khác.

* Ý kiến của nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả ngay hết số tiền gốc đã vay, không đồng ý cho thời hạn trả nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai và thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 100, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ giấy vay tiền các ngày 20/11/2018; 16/11/2018 và 24/3/2019 và lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền tổng cộng 95.700.000 đồng *(chín mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng)*, có hẹn thời hạn thanh toán cả gốc và lãi. Quá trình giải quyết bị đơn cho rằng chỉ vay của nguyên đơn và đồng ý trả các khoản tiền 10.000.000 đồng; 36.000.000 đồng và 33.000.000 đồng chứ không đồng ý trả khoản tiền 49.700.000 đồng vì do chốt tiêu non nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Cho đến nay bị đơn chưa trả khoản tiền nào cho nguyên đơn là vi phạm cam kết trả nợ giữa hai bên, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc đã vay tổng cộng 95.700.000 đồng *(chín mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Đối với lãi suất không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo các giấy vay tiền ghi các ngày 20/11/2017; 16/11/2018 và 24/3/2019 do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của các đương sự có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc tổng cộng là 95.700.000 đồng và có xác định thời hạn trả nợ. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thoả thuận như đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú

tại buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp để giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX buộc bị đơn trả số tiền gốc đã vay tổng cộng 95.700.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Bị đơn chỉ đồng ý trả các khoản tiền là 10.000.000 đồng; 36.000.000 đồng và 33.000.000 đồng, tổng cộng 79.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần,

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo các giấy vay tiền ghi các ngày 20/11/2017; 16/11/2018 và 24/3/2019 mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn (bút lục số 22; 23; 24) và lời khai của các đương sự xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận bị đơn vay của nguyên đơn các khoản tiền gốc như sau:

- Ngày 20/11/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng, hẹn thời hạn trả nợ vào ngày 20/11/2018.

- Ngày 16/11/2018 vay số tiền 36.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày vay.

- Ngày 24/3/2019 tiếp tục vay số tiền 49.700.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn thời hạn trả 02 tháng kể từ ngày vay.

Tất cả các khoản vay đã đến thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn một khoản tiền nào là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn là người có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3.2] Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Lê Thị Ng xác định:

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 20/11/2017 bị đơn thừa nhận là đúng. Đối với khoản vay số tiền 36.000.000 đồng ngày 16/11/2018 có nguồn gốc là bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng, số tiền vay này hẹn 02 tháng sẽ trả nhưng sau đó nguyên đơn tính và cộng thêm tiền chốt tiêu non mới thành 36.000.000 đồng và hai bên thống nhất viết lại giấy mượn tiền và hẹn sau hai tháng trả, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên đến hạn bị đơn vẫn chưa trả được cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay 10.000.000 đồng và 36.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất thì bị đơn đồng ý trả nhưng do hiện nay điều kiện và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị được trả dần, nhưng nguyên đơn không đồng ý cho trả dần nên không có cơ sở để xem xét mà buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền này cho nguyên đơn.

- Đối với khoản tiền vay 49.700.000 đồng ngày 24/3/2019 là do từ đầu bị đơn chốt tiêu non để lấy tiền trước của nguyên đơn, hẹn đến mùa tiêu thu hoạch thì trả tiêu cho nguyên đơn, nhưng bị đơn mới nhận số tiền 33.000.000 đồng chứ không phải 49.700.000 đồng như trong giấy mượn tiền mà bị đơn đã ký nhận nên không đồng ý trả số tiền 49.700.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền đã nhận 33.000.000 đồng nhưng không xuất trình, cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, về phía nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bị đơn nên HĐXX không có căn cứ để xem xét đối với ý kiến của bị đơn. Bị đơn cũng thừa nhận các giấy vay tiền mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện là do bị đơn ký xác nhận là người vay, mượn tiền.

[3.3] Do đó HĐXX xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc tổng cộng 95.700.000 đồng, gồm các khoản vay:

- Ngày 20/11/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng,

- Ngày 16/11/2018 vay số tiền 36.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất,

- Ngày 24/3/2019 tiếp tục vay số tiền 49.700.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất.

Tất cả các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa hai bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó căn cứ vào các điều 463, 465 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bị đơn bà Lê Thị Ng phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền gốc đã vay tổng cộng 95.700.000 đồng *(chín mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Đối với tiền lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết là: 95.700.000 đồng x 5% = 4.785.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203. 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn bà Lê Thị Ng phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ tổng cộng 95.700.000 đồng *(Chín mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về án phí: Bà Lê Thị Ng phải chịu 4.785.000 đồng *(Bốn triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 2.392.000 đồng *(Hai triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0007078 ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VĂN CÔNG CƯỜNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

VĂN CÔNG CƯỜNG